TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **39**/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 26/11/2019
Về việc: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Bính và ông Vũ Kim Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà, là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Doan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 187/2019/TLST – HNGĐ ngày 23 tháng 09 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị M – sinh năm 1972; vắng mặt.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm 11, xã B, huyện G, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn S – sinh năm 1973; vắng mặt.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm 6, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Chị M, anh S có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Phan Thị M trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn S sau thời gian tự do tìm hiểu đã tự nguyện về sống chung với nhau, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương vào năm 2004. Thời gian đó do điều kiện vợ chồng đều đi làm ăn nên mãi ngày 11 tháng 3 năm 2011 vợ chồng mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện G, tỉnh Nam Định. Quá trình vợ chồng chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp và vợ chồng đã sống ly thân nhau 7 năm nay không có biện pháp nào hằn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và không thể quay về chung sống cùng nhau được nên chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Văn S.

Về con chung: Chị và anh S có hai con chung cháu Nguyễn Đức T sinh ngày 09 tháng 1 năm 2006 và cháu Nguyễn Trường G sinh ngày 26 tháng 5 năm 2007.

Các cháu sinh ra trước khi vợ chồng làm thủ tục đăng ký kết hôn nhưng là con chung của vợ chồng chị. Nay ly hôn chị M đề nghị Tòa án giao hai cháu Nguyễn Đức T và Nguyễn Trường G cho chị tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và chị không yêu cầu anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung.

Về tài sản chung, riêng và công nợ chung: Chị và anh S không có tài sản chung và công nợ chung, tài sản riêng của ai người đó quản lý sử dụng nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 18 tháng 10 năm 2019 của bị đơn anh Nguyễn Văn S trình bày: Anh và chị M sau thời gian tự do tìm hiểu đã tự nguyện về sống chung với nhau từ năm 2004, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, tuy nhiên thời điểm đó cả hai vợ chồng đang làm ăn xa nên đã không làm các thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật luôn. Đến năm 2011 vợ chồng về quê làm ăn và chung sống cùng bố mẹ đẻ của anh tại xã T, huyện K, thời điểm nay hai vợ chồng mới hoàn tất các thủ tục đi đăng ký kết hôn vào ngày 11 tháng 3 năm 2011 tại UBND xã B, huyện G, tỉnh Nam Định, là quê của chị M. Quá trình chung sống tại địa phương vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, trong cuộc sống và công việc luôn bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Việc vợ chồng mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân nhau 7 năm nay và không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và không có khả năng về đoàn tụ. Chị M có đơn xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí và không có ý kiến gì. Anh thường xuyên bận công việc đi làm ăn xa không thể đến Tòa án được. do vậy anh đề nghị Tòa án giải quyết xét xử vụ án vắng mặt anh.

Về con chung: Anh và chị M có hai con chung cháu Nguyễn Đức T sinh ngày 09/01/2006 và cháu Nguyễn Trường G sinh ngày 26/05/2007. Các cháu đang ở cùng với chị M. Các cháu sinh ra trước khi vợ chồng làm thủ tục đăng ký kết hôn nhưng các cháu là con chung của anh chị, nay chị M nhận nuôi cả hai cháu và nguyện vọng các cháu muốn ở với mẹ do vậy anh nhất trí để chị M tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng hai cháu G và T, chị M yêu cầu cấp dưỡng anh sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản: Vợ chồng anh chị không có tài sản chung, riêng và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tòa án nhân dân huyện K đã giao các tài liệu, chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của BLTTDS cho anh S, nhưng anh S đã không tham gia hòa giải, tiếp cận chứng cứ. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử , Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của

Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn không chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự

2. Về việc giải quyết v ụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn .

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị M ly hôn anh Nguyễn Văn S.
- Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Đức T sinh ngày 09 tháng 1 năm 2006 và cháu Nguyễn Trường G sinh ngày 26/05/2007 cho chị Phan Thị M tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn S không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung.
- Án phí: Chị Phan Thị M nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay cả chị M và anh S vì điều kiện công việc đều không thể tham gia phiên tòa được và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Phan Thị M và anh Nguyễn Văn S là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Anh chị có Đăng ký kết hôn ngày ngày 11 tháng 3 năm 2011 tại UBND xã B, huyện G, tỉnh Nam Định, như vậy hôn nhân của chị M và anh S hợp pháp và được pháp luật thừa nhận. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống tại xóm 6, xã T. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp. Cả chị M và anh S đều xác định vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và thường xuyên đánh cãi chửi nhau, đến nay tình cảm vợ chồng không còn. Chị M có đơn xin ly hôn anh S, anh S cũng đồng ý ly hôn. Tuy nhiên do điều kiện công việc nên anh không thể tham gia qúa trình giải quyết vụ án tại Tòa án được.

Tại biên bản xác minh ngày 29 tháng 10 năm 2019 Ủy ban nhân dân xã T cung cấp như sau: Anh Nguyễn Văn S và chị Phan Thị M chung sống với nhau từ năm 2004, quá trình chung sống đến năm 2011 anh chị mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại xã B, huyện G là quê của chị M, sau khi kết hôn anh chị về T chung sống với nhau được khoảng 1 đến 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn thì chính quyền địa phương không nắm được, vì điều kiện công việc nên anh S và chị M hay đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về quê. Khoảng từ năm 2012 – 2013 cho đến nay thì chị M bỏ chồng và gia đình nhà chồng ở xã T về bên Nam Định sinh sống và không quay về sống cùng anh S nữa.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên xác định anh S và chị M đã thực sự mâu thuẫn trầm trọng, thời gian vợ chồng ly thân đã lâu và không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống

chung của vợ chồng giữa chị M và anh S không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Chị M và anh S có hai con chung cháu Nguyễn Đức T sinh ngày 09 tháng 1 năm 2006 và cháu Nguyễn Trường G sinh ngày 26/05/2007 hiện đang ở cùng với chị M,nay ly hôn chị M có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu T và G, bản thân anh S thì xác định các cháu có nguyện vọng ở với ai thì ai thì tôn trọng nguyện vọng của con và giao con cho người đấy chăm sóc nuôi dưỡng. Căn cứ vào lời khai nguyện vọng thì cháu T và cháu G đều muốn ở cùng với chị M để ổn định việc học tập cũng như sinh hoạt của cháu.

Xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của con căn cứ điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án thấy cần phải giao cháu Nguyễn Đức T và cháu Nguyễn Trường G cho chị Phan Thị M tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với các quy định của pháp luật và đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con chưa thành niên trong vụ án hôn nhân gia đình.

Vấn đề cấp dưỡng đối với con do chị M không yêu cầu cấp dưỡng, Tòa án đã giải thích về quyền yêu cầu cấp dưỡng đối với người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng của người không trực tiếp nuôi con khi ly hôn. Nhưng chị M xác định bản thân đủ khả năng về kinh tế để chăm sóc nuôi dưỡng con chung và vẫn giữ nguyên quan điểm không yêu cầu anh S cấp dưỡng đối với cháu T và G, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Phan Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị M và anh Nguyễn Văn S được ly hôn

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đức T sinh ngày 09/1/2006 và cháu Nguyễn Trường G sinh ngày 26/05/2007 cho chị Phan Thị M tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn S không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3/ Về án phí: Chị Phan Thị M phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo

biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0003141 ngày 23 tháng 09 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình .

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được THADS, người phải THADS có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- UBND xã B, huyện G.
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Khanh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Kim Sơn
- Chi cục THA dân sự huyện Kim Sơn
- UBND xã Bình Hòa, huyện Giao Thủy.
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Khanh